

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN**

**CHỨC DANH: Phó giáo sư**

**Mã hồ sơ: .....**



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống: )

Đối tượng đăng ký: Giảng viên  ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: **Dược học**; Chuyên ngành: **Dược lý – Dược lâm sàng**

**A. THÔNG TIN CÁ NHÂN**

**1. Họ và tên người đăng ký:** Vũ Đình Hòa

**2. Ngày tháng năm sinh:** 04/01/1981; Nam ; Nữ  ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

**3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:**

**4. Quê quán** (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): xã Phương Trung, huyện Thanh Oai, thành phố Hà Nội.

**5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú** (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): số 3, ngõ 12, Đường Trần Quý Kiên, Tổ 8, Dịch Vọng, Cầu Giấy, Hà Nội.

**6. Địa chỉ liên hệ** (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện): Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc, Trường Đại học Dược Hà Nội, 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại di động: 0904250745; Email: hoavd@hup.edu.vn; vudinhhoa@gmail.com

**7. Quá trình công tác** (công việc, chức vụ, cơ quan):

Từ tháng 12 năm 2004 đến tháng 07 năm 2021: Giảng viên tại Bộ môn Dược lâm sàng, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Từ tháng 7 năm 2018 đến tháng 7 năm 2021: Phó Giám đốc Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc, Trường Đại học Dược Hà Nội.

Chức vụ: Hiện nay: Phó Giám đốc Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc; Chức vụ cao nhất đã qua: Phó Giám đốc Trung tâm

Cơ quan công tác hiện nay: Trung tâm Quốc gia về Thông tin thuốc và Theo dõi phản ứng có hại của thuốc và Bộ môn Dược lâm sàng, Trường Đại học Dược Hà Nội, Bộ Y tế.

Địa chỉ cơ quan: 13-15 Lê Thánh Tông, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: 024 3 9335618, Địa chỉ E-mail: di.pvcenter@gmail.com, Fax: (024) 3 9335642

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Không

**8. Đã nghỉ hưu từ tháng năm: chưa nghỉ hưu**

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

**9. Trình độ đào tạo:**

- Được cấp bằng Đại học ngày 23 tháng 7 năm 2003; số văn bằng: 513597, số vào sổ 53.98.03.01.064; ngành: Dược học; chuyên ngành: Dược lý - Dược lâm sàng; Nơi cấp bằng Đại học: Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 10 tháng 04 năm 2007; số văn bằng: 00335/NoA 027369; ngành: Dược học; chuyên ngành: Dược lý - Dược lâm sàng; Nơi cấp bằng Thạc sĩ: Trường Đại học Dược Hà Nội, Việt Nam.

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 28 tháng 6 năm 2013; chuyên ngành: Dược lý lâm sàng; Nơi cấp bằng Tiến sĩ: Trường Đại học Groningen, Hà Lan.

- Được cấp bằng Tiến sĩ khoa học ngày tháng năm ; số văn bằng: ngành: ; chuyên ngành: ; Nơi cấp bằng Tiến sĩ khoa học:

**10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS: chưa**

**11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS cơ sở:** Trường Đại học Dược Hà Nội.

**12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HDGS ngành, liên ngành:** Dược học

**13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:**

Dược lý lâm sàng

Sử dụng thuốc hợp lý

Cảnh giác dược

**14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:**

- Đã hướng dẫn (số lượng) 00 NCS bảo vệ thành công luận án TS;

- Đã hướng dẫn (số lượng) 31 HVCH/CKI bảo vệ thành công luận văn ThS/CKI.

- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: 11 đề tài, trong đó số lượng cấp đề tài cấp cơ sở: 07, cấp Bộ Y tế: 03, cấp Nhà nước: 01;

- Đã công bố (số lượng) 83 bài báo khoa học, trong đó 20 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín;
- Đã được cấp (số lượng) 00 bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích;
- Số lượng sách đã xuất bản 05 cuốn, trong đó 03 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: 00

**15. Khen thưởng** (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

Danh hiệu “Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở” các năm học 2015-2016, 2016-2017, 2017-2018, 2018-2019, 2019-2020.

Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2018 và năm 2020 vì đã có thành tích xuất sắc thực hiện nhiệm vụ, kế hoạch công tác năm học 2017-2018 và 2019-2020.

**16. Kỷ luật** (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): không.

## **B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ**

### **1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:**

Tôi nhận thấy bản thân đạt được các các tiêu chuẩn và hoàn thành các nhiệm vụ của nhà giáo. Cụ thể gồm có:

- Không vi phạm đạo đức nhà giáo, không trong thời gian bị kỉ luật dưới bất kì hình thức nào; trung thực khách quan trong đào tạo, nghiên cứu khoa học và các hoạt động chuyên môn khác.
- Thời gian giảng dạy vào đào tạo từ trình độ đại học trở lên: Hoàn thành đủ thời gian làm nhiệm vụ đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên đạt yêu cầu của khoản 2, khoản 3 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg:
  - + Đã có bằng Tiến sĩ từ năm 2013 (đủ 6 năm trở lên theo quy định)
  - + Đã tham gia đào tạo trình độ đại học từ năm 2006-2007 đến năm 2020-2021 tại Trường đại học Dược Hà Nội (trừ 4 năm từ 2008-2012 là thời gian nghiên cứu sinh) tính đến hạn nộp hồ sơ, đạt yêu cầu ít nhất 06 năm trong đó có 03 năm liên tục (minh chứng kèm theo hồ sơ này và được Trường Đại học Dược Hà Nội xác nhận trong mẫu số 02).
- Hoàn thành nhiệm vụ giảng dạy được giao với số giờ giảng vượt tiêu chuẩn theo quy định của Bộ trưởng Bộ giáo dục và Đào tạo trong 6 năm gần nhất (thông tin cụ thể trình bày ở mục 2 phần B bản đăng kí này và trong mẫu số 02 của hồ sơ đăng kí).
- Có khả năng sử dụng thành thạo tiếng Anh phục vụ công tác chuyên môn và giao tiếp (Viết và báo cáo luận án Tiến sĩ bằng Tiếng Anh; sử dụng tiếng Anh thành thạo trong quá trình công tác; trình bày nhiều báo cáo khoa học tại các hội nghị quốc tế), đạt yêu cầu khoản 4 điều 4 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.
- Công bố kết quả nghiên cứu khoa học: Đã đăng 20 bài báo khoa học có phản biện quốc tế. Là tác giả chính (tác giả đầu hoặc tác giả liên hệ) của 04 bài báo khoa học đăng trên tạp chí quốc tế uy tín (thông tin chi tiết ở mục 7.1) sau khi được cấp bằng Tiến sĩ, đạt yêu cầu khoản 4 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg.

- Thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ: Đã chủ trì 03 đề tài khoa học cấp cơ sở nghiệm thu xuất sắc, tham gia 04 đề tài cấp cơ sở, 03 đề tài cấp bộ, 01 đề tài cấp nhà nước. Đạt yêu cầu của khoản 5 điều 6 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg (danh sách chi tiết trình bày ở mục 6 của bản đăng kí này cùng các minh chứng kèm theo hồ sơ).

- Hướng dẫn học viên cao học và nghiên cứu sinh: Đã hướng dẫn 20 thạc sĩ trong đó là hướng dẫn chính của 18 thạc sĩ (danh sách chi tiết được trình bày trong mục 4 của bản đăng kí này cùng các minh chứng kèm theo hồ sơ).

- Các công trình khoa học được tính điểm quy đổi theo quy định tại điều 7 của quyết định 37/2018/QĐ-TTg được trình bày tại mục số 7 của bản đăng kí này và được minh chứng kèm hồ sơ.

## 2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số: 16 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ (ứng viên GS chỉ khai 3 năm cuối liên tục sau khi được công nhận PGS):

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK1/ đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức <sup>(*)</sup>
		Chính	Phụ			ĐH	SĐH	
1	2014-2015			3	3	519	12	531/743/280
2	2015-2016			3	2	621,5	72	693,5/1049/270
3	2016-2017			2	4	502,4	108	610,4/770,4/216
4	2017-2018			3	3	215,6	109,5	325,1/512/108
03 năm học cuối								
5	2018-2019			9	4	191,6	78	269,6/470,5/81
6	2019-2020			8	4	142,4	27	169,4/384,1/81
7	2020-2021			1	4	46,3	37,5	83,8/235,6/81

(\*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

### 3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH  ; Tại nước:

- Bảo vệ luận văn ThS  tại nước:

- Bảo vệ luận án TS  tại nước: Hà Lan năm 2013

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: ..... số bằng: .....; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác  ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

### 4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CKI/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CKI/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/HVCK1	Chính	Phụ			
1	Dương Thị Thanh Tâm		HVCH	x		2013-2014	Trường Đại học Dược Hà Nội	18/12/2014
2	Nguyễn Thị Minh Thư		HVCH	x		2013-2014	Trường Đại học Dược Hà Nội	18/12/2014
3	Phạm Thị Thảo		HVCH	x		2014-2015	Trường Đại học Dược Hà Nội	30/11/2015
4	Bùi Thị Ngọc Thực		HVCH	x		2014-2015	Trường Đại học Dược Hà Nội	30/11/2015
5	Lê Thị Hằng		HVCH	x		2014-2015	Trường Đại học Dược Hà Nội	30/11/2015
6	Ngô Quốc Thắng		HVCH	x		2015-2016	Trường Đại học Dược Hà Nội	17/5/2016
7	Bùi Thị Hảo		HVCH		x	2015-2016	Trường Đại học Dược Hà Nội	17/5/2016
8	Nguyễn Thị Nga		HVCH	x		2015-2016	Trường Đại học Dược Hà Nội	17/5/2016
9	Cao Thị Thu Huyền		HVCH	x		2016-2017	Trường Đại học Dược Hà Nội	25/5/2017
10	Nông Thị Thanh Phương		HVCH	x		2016-2017	Trường Đại học Dược Hà Nội	25/5/2017

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK1/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/HVCK1	Chính	Phụ			
11	Lương Hồng Trường		HVCK1	x		2017-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	22/5/2018
12	Đình Xuân Hào		HVCK1	x		2017-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	31/5/2019
13	Phạm Thị Phương Anh		HVCK1	x		2017-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	22/5/2018
14	Tô Thị Hoài		HVCK1	x		2017-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	31/5/2019
15	Trần Tuấn Anh		HVCK1	x		2017-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	22/5/2018
16	Lương Tiến Dũng		HVCK1	x		2017-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	31/5/2019
17	Hồ Trọng Toàn		HVCH	x		2017-2018	Trường Đại học Dược Hà Nội	13/6/2018
18	Phạm Thị Diệu Huyền		HVCH	x		2017-2018	Trường Đại học Dược Hà Nội	13/6/2018
19	Nguyễn Mai Hoa		HVCH	x		2017-2018	Trường Đại học Dược Hà Nội	13/6/2018
20	Bùi Sơn Nhật		HVCH		x	2018-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	30/5/2019
21	Đặng Thị Lan Anh		HVCH	x		2018-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	30/5/2019
22	Nguyễn Thị Mai Anh		HVCH	x		2018-2019	Trường Đại học Dược Hà Nội	30/5/2019
23	Hà Minh Hiền		HVCH	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	25/6/2020
24	Trần Thị Huyền		HVCH	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	25/6/2020
25	Trương Thị Mẫn		HVCH	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	10/12/2020
26	Nguyễn Văn Dương		HVCK1	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	4/7/2020
27	Phạm Thị Hào		HVCK1	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	4/7/2020

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK1/BSNT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/HVCK1	Chính	Phụ			
28	Thái Bá Thuật		HVCK1	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	4/7/2020
29	Phạm Thùy Linh		HVCK1	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	4/7/2020
30	Nguyễn Thị Thái Hà		HVCK1	x		2019-2020	Trường Đại học Dược Hà Nội	4/7/2020
31	Nguyễn Thị Thanh Nga		HVCH	x		2020-2021	Trường Đại học Dược Hà Nội	11/6/2021

**Ghi chú:** Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDĐH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
<b>I Trước khi được công nhận TS</b>							
1	Dược lâm sàng: Những nguyên lý cơ bản và sử dụng thuốc trong điều trị. Tập 2: Sử dụng thuốc trong điều trị	Sách tham khảo	NXB Y học 2012 (ISBN: 8 935218 402624)	37		Tham gia viết Chương 17: Bệnh lao (trang 120-145).	Giấy xác nhận sử dụng sách do Trường Đại học Dược Hà Nội cấp
<b>II Sau khi được công nhận TS</b>							
1	Thực tập Dược lâm sàng	Sách thực tập	Trường Đại học Dược Hà Nội, 2016	10		Tham gia viết: - Bài 8: Báo cáo ADR dựa trên tình huống lâm sàng thực tế. - Bài 9: Đánh giá mối quan hệ nhân quả giữa thuốc nghi ngờ và ADR	Giấy chứng nhận sử dụng sách do Trường Đại học Dược Hà Nội cấp
2	Dược thư Quốc gia dành cho tuyến cơ sở	Sách tham khảo	NXB Y học 2017 (ISBN 978-604-66-2625-1)	26		Tham gia viết chuyên luận thuốc Mục 20: thuốc giãn cơ (trang 700-714).	Thành lập theo QĐ số 5539/QĐ-BYT ngày 03/10/2016

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
						20.1. Thuốc chẹn thần kinh – cơ và ức chế cholinesterase (trang: 700-710). 20.2. Thuốc giãn cơ trên thần kinh trung ương (trang 710-714).	
3	Kháng sinh trong hồi sức	Sách tham khảo	NXB Y học 2017 (ISBN 9786046625810)	26		Tham gia viết Chương II: Các kiến thức dược lâm sàng cơ bản (trang 86 -105).	
4	Thực hành Dược động học	Sách thực hành	Trường Đại học Dược Hà Nội, 2019	12		Tham gia viết Phần 2: Bài tập dược động học gồm các Bài tập số 4, bài tập số 5 và Bài tập số 6 (trang 29-55)	Giấy chứng nhận sử dụng sách do Trường Đại học Dược Hà Nội cấp

Trong đó: số lượng (ghi rõ các số TT) sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản, mà ứng viên là chủ biên sau PGS/TS.

**Lưu ý:**

- Chỉ kê khai các sách được phép xuất bản (Giấy phép XB/Quyết định xuất bản/số xuất bản), nộp lưu chiểu, ISBN (nếu có).

- Các chữ viết tắt: CK: sách chuyên khảo; GT: sách giáo trình; TK: sách tham khảo; HD: sách hướng dẫn; phần ứng viên biên soạn cần ghi rõ từ trang.... đến trang..... (ví dụ: 17-56; 145-329).

**6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:**

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
<b>Hướng nghiên cứu 1: Dược lý lâm sàng</b>					
<i>Trước khi được công nhận tiến sĩ</i>					
1	Nghiên cứu đánh giá tương đương sinh học chế phẩm metformin sản xuất trong nước	Thành viên	Cấp Bộ Y tế	2006-2008	07/05/2008/ Loại B
2	Nghiên cứu ứng dụng phương pháp sắc ký lỏng hiệu năng cao	Thành viên	Cấp Bộ Y tế	2007-2010	24/2/2011



TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	(HPLC) định lượng nồng độ các thuốc chống lao RHZ trong huyết tương bệnh nhân lao				Xuất sắc
<b>Sau khi được công nhận tiến sĩ</b>					
3	Phân tích dược động học imipenem trên bệnh nhân bỏng tại Khoa Hồi sức tích cực, Viện Bỏng Quốc gia	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở (Cấp trường)	1/2017-1/2018	9/2/2017 Xuất sắc
4	Xây dựng quy trình giám sát nồng độ thuốc trong máu đối với vancomycin truyền tĩnh mạch liên tục tại Khoa Điều trị tích cực, Bệnh viện Bạch Mai	Thành viên	Cấp cơ sở (Cấp trường)	1/2017-12/2017	09/02/2017 Xuất sắc
5	Phân tích đặc điểm tăng thanh thải thận trên bệnh điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở (Cấp trường)	5/2018-5/2019	24/5/2019 Xuất sắc
6	Phân tích chế độ liều kháng sinh carbapenem thông qua PK/PD trong điều trị đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Trung tâm Hô Hấp, Bệnh viện Bạch Mai	Thành viên	Cấp cơ sở (Cấp trường)	5/2018-11/2019	30/12/2019 Xuất sắc
7	Phân tích dược động học – dược lực học để lựa chọn liều điều trị tối ưu cho bệnh nhân lao phổi điều trị thất bại và tái phát	Thành viên	HNQT/SPĐP/01.06 Cấp Quốc gia	7/2016-7/2020	13/7/2020 Xuất sắc
<b>Hướng nghiên cứu 2: Sử dụng thuốc hợp lý và Cảnh giác dược</b>					
<b>Trước khi được công nhận tiến sĩ</b>					
8	Nghiên cứu đánh giá tương đương điều trị loét hành tá tràng của chế phẩm Omeprazol sản xuất trong nước	Thành viên	Cấp Bộ Y tế	2005-2008	17/7/2008 Loại B
<b>Sau khi được công nhận tiến sĩ</b>					
9	Đánh giá thực trạng triển khai hoạt động dược lâm sàng tại một số bệnh viện thuộc sở y tế Hà Nội sau khi có thông tư hướng dẫn	Thành viên	Cấp cơ sở (Cấp trường)	11/2014-11/2015	31/12/2015 Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	của Bộ Y tế (thông tư 31/2012/TT-BYT)				
10	Khảo sát đặc điểm báo cáo ADR và phát hiện tín hiệu thuốc – ADR từ cơ sở dữ liệu cảnh giác dược của Việt Nam giai đoạn 2010-2016	Thành viên	Cấp cơ sở (Cấp trường)	5/2018-5/2019	23/05/2019 Xuất sắc
11	Phân tích tác động của thông tư 51/2017/TT-BYT đến đặc điểm của tín hiệu phản vệ từ cơ sở dữ liệu báo cáo ADR tự nguyện tại Việt Nam giai đoạn 2010-2019	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở (Cấp trường)	8/2019-11/2020	26/1/2021 Xuất sắc

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
<b>Hướng nghiên cứu 1: Dược lý lâm sàng</b>								
<i>Trước khi được công nhận tiến sĩ</i>								
1	Xây dựng phương pháp định lượng metformin trong huyết tương người bằng HPLC.	4		Dược học ISSN: 0866-7225			48, 385, 27-31	2008
2	Thử nghiệm tương đương sinh học glucofin	4		Dược học ISSN: 0866-7225			48, 388, 8-10	2008
3	Determination of moxifloxacin in dried blood spots using LC-MS/MS and the impact of the hematocrit and blood volume.	5	X	Journal of chromatography B ISSN: 1570-0232	ISI (Q2, IF 3,004)	91	879, 15-16, 1063-1070	2011

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
4	Dried blood spots: a new tool for tuberculosis treatment optimization	5	X	Current pharmaceutical design ISSN: 1381-6128	ISI (Q2, IF 2,208)	55	17, 27, 2931-2939	2011
5	Dried blood spot analysis for therapeutic drug monitoring of linezolid in patients with multidrug-resistant tuberculosis.	9	X	Antimicrobial agents and chemotherapy. ISSN: 0066-4804	ISI (Q1, IF 4,904)	50	56, 11, 5758-5763	2012
6	Troubleshooting carry-over of LC-MS/MS method for rifampicin, clarithromycin and metabolites in human plasma.	6	X	Journal of chromatography B. ISSN: 1570-0232	ISI (Q2, IF 3,004)	22	917-918, 1-4	2013
7	Relationship between azathioprine dosage and thiopurine metabolites in pediatric IBD patients: identification of covariables using multilevel analysis.	5		Therapeutic drug monitoring ISSN: 0163-4356	ISI (Q2, IF 2,073)	9	35, 2, 251-257	2013
8	Exploring Associations of 6-Thioguanine Nucleotide Levels and Other Predictive Factors with Therapeutic Response to Azathioprine in Pediatric Patients with IBD Using Multilevel Analysis.	5		Inflammatory bowel diseases. ISSN 1078-0998	ISI (Q1, IF 4,261)	28	19, 11, 2404-2410	2013
<b>Sau khi được công nhận tiến sĩ</b>								
9	Simultaneous determination of rifampicin, clarithromycin and their metabolites in dried blood spots using LC-MS/MS	9	X	Talanta ISSN: 0039-9140	ISI (Q1, IF 5,339)	45	121, 9-17	2014

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
10	Khảo sát liều dùng và nồng độ tacrolimus ở bệnh nhân sau ghép thận tại Bệnh viện Hữu nghị Việt Đức	5		Dược học ISSN: 0866-7861			55, 469, 2-6	2015
11	Đặc điểm vi sinh trong bệnh lý viêm phúc mạc thứ phát tại Bệnh viện hữu nghị Việt Đức	3		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			2, 997, 4-7	2016
12	Bedaquiline as part of combination therapy in adults with pulmonary multi-drug resistant tuberculosis.	6		Expert Review of Clinical Pharmacology ISSN: 1751-2433	ISI (Q1, IF 3,481)	13	9, 8, 1025-1037	2016
13	Phân tích khả năng đạt nồng độ thuốc đích trên bệnh nhân hồi sức tích cực sử dụng phác đồ vancomycin truyền tĩnh mạch liên tục, hiệu chỉnh liều dựa trên giám sát nồng độ thuốc	10		Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			461, 12/2, 34-48	2017
14	Dược động học quần thể của vancomycin truyền tĩnh mạch liên tục trên bệnh nhân hồi sức tích cực	6	X	Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593			101, 4, 90-96	2018
15	Tăng thanh thải thận trên bệnh nhân điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực	8		Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593			101, 4, 81-89	2018
16	Bedaquiline resistance: Its emergence, mechanism and prevention	6		Clinical Infectious Diseases ISSN 1058-4838	ISI (Q1, IF 8,313)	47	66, 10, 1625-1630	2018
17	Đánh giá khả năng ước tính mức lọc cầu thận của một số công thức trên bệnh nhân nặng điều trị tại Khoa Hồi sức	7	X	Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			14, 9, 89-95	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	tích cực, Bệnh viện Bạch Mai							
18	Phân tích dược động học quần thể của imipenem trên bệnh nhân đợt cấp bệnh phổi tắc nghẽn mạn tính tại Trung tâm Hô hấp, Bệnh viện Bạch Mai	9	X	Dược học ISSN: 0866-7861			59, 524, 2-8	2019
19	Phân tích kết quả giám sát nồng độ ciclosporin và độc tính thận trên bệnh nhân ghép tế bào gốc đồng loài tại Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương	5	X	Dược học ISSN: 0866-7861			59, 516, 2-8	2019
20	Determination of Optimal Loading and Maintenance Doses for Continuous Infusion of Vancomycin in Critically Ill Patients: Population Pharmacokinetic Modelling and Simulations for Improved Dosing Schemes	12	X	International Journal of Antimicrobial Agents ISSN: 0924-8579	ISI (Q1, IF 4,621)	5	54, 6, 702-708	2019
21	Dược lý lâm sàng trong sử dụng kháng sinh điều trị viêm phổi mắc phải ở cộng đồng	5		Hô hấp			6, 20, 18-27	2019
22	Dược động học – dược lực học của Rifampicin trong điều trị bệnh nhân lao phổi	6		Khoa học công nghệ Việt Nam 1859-4794			61, 9, 15-21	2019
23	Các biến cố bất lợi của methotrexat liều cao trên bệnh nhân nhi mắc lờ-xê-mi cấp dòng lympho tại Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương thông qua hoạt động	12		Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			14, 9, 156-163	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	giám sát tích cực của dược sĩ lâm sàng							
24	Tổng quan về chế độ liều kháng sinh ở bệnh nhân nặng có lọc máu liên tục	9		Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593			115, 3, 1-8	2020
25	Delamanid resistance: update and clinical management	8		Clinical Infectious Diseases ISSN 1058-4838	ISI (Q1, IF 8,313)	2	71, 12, 3252-3259	2020
26	Khảo sát thực trạng hiệu chỉnh liều thông qua giám sát nồng độ vancomycin huyết thanh trên bệnh nhân lọc máu tại Khoa Hồi sức Tích cực, Bệnh viện Bạch Mai	10	X	Dược học ISSN: 0866-7861			60, 531, 3-7	2020
27	Thực trạng giám sát nồng độ vancomycin trong máu	11		Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593			115, 3, 56-63	2020
28	Population Pharmacokinetics and Dose Optimization of Ceftazidime and Imipenem in Patients with Acute Exacerbations of Chronic Obstructive Pulmonary Disease	12	X	Pharmaceutics ISSN: 1999-4923	ISI (Q1, IF 4,421)	0	13, 4, 456	2021
29	Phân tích đặc điểm lâm sàng, vi sinh và sử dụng kháng sinh điều trị nhiễm khuẩn huyết do Klebsiella pneumonia và Escherichia coli tại Viện Huyết học – Truyền máu Trung ương	9		Y Dược học ISSN: 2734-9209			19, 4, 13-19	2021
30	Phân tích tình hình sử dụng và giám sát nồng độ vacomycin trong máu	8	X	Y Dược học			17, 3, 29-35	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	trên bệnh nhân nhi tại Bệnh viện Đa khoa Quốc tế Vinmec Time City			ISSN: 2734-9209				
31	Phân tích đặc điểm sử dụng và giám sát nồng độ vancomycin trong máu trên bệnh nhân nhiễm khuẩn huyết tại Trung tâm Bệnh Nhiệt đới, Bệnh viện Bạch Mai	8		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			12, 2, 29-35	2021
<b>Hướng nghiên cứu 2: Sử dụng thuốc hợp lý và Cảnh giác dược</b>								
<i>Trước khi được công nhận tiến sĩ</i>								
32	Khảo sát thực trạng sử dụng glucocorticoid và các ADR bệnh nhân gặp phải trước khi vào Khoa cơ xương khớp, Bệnh viện Bạch Mai	2		Dược học ISSN: 0866-7225			47, 376, 5-9	2007
33	Khảo sát và đánh giá một số phẩm mềm tra cứu tương tác thuốc online	3		Dược học ISSN: 0866-7225			47, 378, 3-7	2007
34	Đánh giá hiệu quả và an toàn của carvedilol trong điều trị tăng huyết áp nhẹ và vừa tại Bệnh viện Bạch Mai	3		Dược học ISSN: 0866-7225			47, 379, 3-5	2007
35	A review of the literature on the economics of vaccination against TB.	5		Expert review of vaccines ISSN: 1476-0584	ISI (Q1, IF 4,362)	11	11, 3, 303-317	2012
36	Suspected tuberculosis case detection and referral in private pharmacies in Viet Nam.	6	X	International Journal of Tuberculosis and Lung Disease ISSN 1027-3719	ISI (Q1, IF 2,268)	15	16,12, 1625-1629.	2012
<i>Sau khi được công nhận tiến sĩ</i>								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
37	Phân tích gộp đánh giá hiệu quả điều trị Helicobacter pylori của phác đồ bộ ba dùng các thuốc ức chế bơm proton liều cao so với liều chuẩn	2		Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			5, 5, 161-200	2014
38	Phân tích đặc điểm bệnh thận do thuốc cản quang chứa iod sử dụng trong chẩn đoán hình ảnh tại Bệnh viện Bạch Mai	8		Dược học ISSN: 0866-7861			55, 475, 9-13	2015
39	Antibiotic therapy for inpatients with pneumonia in a developing country	13		Pharmacoevidence miology and Drug Safety ISSN: 1053-8569	ISI (Q2, IF 2,918)	3	24, 2, 129-136	2015
40	Phân tích việc sử dụng thuốc điều trị rối loạn lipid máu trên bệnh nhân đái tháo đường type 2 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bắc Giang	2		Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			6, 6, 5-9	2015
41	Đánh giá độc tính trên thận liên quan đến tenofovir ở bệnh nhân điều trị ARV tại phòng khám ngoại trú, Bệnh viện Bạch Mai	6		Dược học ISSN: 0866-7861			56, 477, 43-48	2016
42	Phân tích hiệu quả và độc tính trên thận của chế độ liều cao colistin trên bệnh nhân nhiễm trùng bệnh viện tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai	9		Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			441, 4, 43-48	2016
43	Nghiên cứu độc tính trên bệnh nhân sử dụng colistin tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai	6		Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			441, 4, 120-133	2016



TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
44	Theo dõi độc tính trên thận liên quan đến tenofovir ở bệnh nhân điều trị ARV tại phòng khám ngoại trú, Bệnh viện Bạch Mai	6		Truyền nhiễm Việt Nam ISSN: 0866-7829			1, 13, 64-70	2016
45	Khảo sát sử dụng kháng sinh linezolid tại Bệnh viện Bạch Mai năm 2015.	5		Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			7, 4+5, 184-188	2016
46	Thực trạng sử dụng kháng sinh trong điều trị bệnh nhân phẫu thuật do viêm phúc mạc thứ phát tại Bệnh viện Việt Đức	3		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			3, 999, 190-194	2016
47	Khảo sát phản ứng có hại phòng tránh được từ cơ sở dữ liệu báo cáo ADR ở Việt Nam	4		Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			8, 2, 2-6	2017
48	Tổng quan hệ thống và phân tích gộp các nghiên cứu quan sát về biến cố bất lợi của thuốc trong điều trị lao đa kháng/siêu kháng	6		Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			8, 1, 2-9	2017
49	Độc tính trên gan ở bệnh nhân nhiễm HIV có điều trị dự phòng lao bằng isoniazid tại phòng khám ngoại trú HIV/AIDS - Khoa Truyền nhiễm, Bệnh viện Bạch Mai	4	X	Dược học ISSN: 0866-7861			57,491, 32-34	2017
50	Khảo sát biến cố bất lợi liên quan đến thuốc cản quang chứa iốt thông qua can thiệp của dược sĩ lâm sàng tại bệnh viện Bạch Mai	7		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1043, 5, 190-192	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
51	Đánh giá sử dụng thuốc ARV điều trị bệnh nhân nhi nhiễm HIV tại một số phòng khám ngoại trú HIV/AIDS ở Việt Nam (2013-2015)	10		Truyền nhiễm Việt Nam ISSN: 0866-7829			4, 20, 69-75	2017
52	Tín hiệu an toàn của các thuốc có chi phí Bảo hiểm y tế cao nhất năm 2016: phân tích từ cơ sở dữ liệu báo cáo ADR tại Việt Nam	6		Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			9, 5, 17-24	2018
53	Tầm soát biến cố tăng kali máu liên quan đến thuốc thông qua kết quả xét nghiệm cận lâm sàng tại Bệnh viện Hữu Nghị	6		Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			464, 3, 130-137	2018
54	Tầm soát tổn thương gan do hóa chất ở bệnh nhân máu ác tính tại Viện Huyết học - Truyền máu trung ương	7		Y học thực hành ISSN: 1859-1663			1069, 4, 11-16	2018
55	Biến cố kéo dài khoảng QTcF ở bệnh nhân sử dụng phác đồ có bedaquilin trong Chương trình Chống lao Quốc gia	9		Dược học ISSN: 0866-7861			58, 509, 72-75	2018
56	Biến cố trên thận và trên thính giác trong điều trị lao đa kháng ghi nhận qua hoạt động giám sát tích cực tại Việt Nam	7		Dược học ISSN: 0866-7861			58, 511, 11-15	2018
57	Phân tích việc sử dụng colistin tại Trung tâm Gây mê và Hồi sức ngoại khoa Bệnh viện Việt Đức	3	X	Dược học ISSN: 0866-7861			58, 504, 7-10	2018
58	Phân tích tình hình sử dụng kháng sinh trên bệnh nhân viêm phổi bệnh viện/viêm phổi thở	5		Dược học ISSN: 0866-7861			58, 507, 8-14	2018

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỹ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	máy điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Đa khoa Thành phố Cần Thơ							
59	Nguy cơ gặp bệnh thận trên bệnh nhân sử dụng thuốc cản quang trong chẩn đoán hình ảnh: nghiên cứu thuần tập ghép cặp theo điểm xác suất	5		Nghiên cứu Dược và thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			9, 2, 2-6	2018
60	Drug-induced Stevens-Johnson syndrome and toxic epidermal necrolysis in vietnamese spontaneous adverse drug reaction database: A subgroup approach to disproportionality analysis	8		Journal of Clinical Pharmacy and Therapeutics ISSN: 0269-4727	ISI (Q2, IF 1,833)	9	44, 1, 69-77	2019
61	Drug-Induced Anaphylaxis in a Vietnamese Pharmacovigilance Database: Trends and Specific Signals from a Disproportionality Analysis	11		Drug Safety ISSN: 0114-5916	ISI (Q1, IF 3,442)	4	42, 5, 671-682	2019
62	Giám sát phản ứng có hại của thuốc ARV trên bệnh nhi tại một số cơ sở điều trị HIV/AIDS giai đoạn 2013-2016	9	X	Dược học ISSN: 0866-7861			59, 514, 3-8	2019
63	Integration of drug safety monitoring in tuberculosis treatment programmes: country experiences	17		European Respiratory Review ISSN: 0905-9180	ISI (Q1, IF 6,220)	1	28, 153, 180115	2019
64	Giám sát tích cực phản ứng có hại của thuốc thông qua bộ công cụ phát hiện tín hiệu tại một đơn vị lâm sàng chuyên	9		Dược học ISSN: 0866-7861			59, 521, 3-11	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	khoa tim mạch tuyến Trung ương							
65	Giám sát tích cực biến cố bất lợi thông qua hoạt động của dược sĩ: Kết quả từ Bệnh viện Phổi tại Thanh Hóa và Hà Giang	6	X	Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			14, 9, 51-57	2019
66	Nguy cơ xuất huyết của phác đồ kháng tiểu cầu kép chứa ticagrelor trong điều trị hội chứng mạch vành cấp: Phân tích từ dữ liệu đời thực trong chương trình giám sát hậu mãi về an toàn thuốc	11		Tim mạch học Việt Nam			88, 21-28	2019
67	Đánh giá hiệu quả can thiệp của chương trình quản lý kháng sinh với fosfomycin truyền tĩnh mạch tại Bệnh viện Thanh Nhân	9	X	Dược học ISSN: 0866-7861			59, 517, 14-18	2019
68	Phân tích đặc điểm sử dụng thuốc kháng nấm tại Bệnh viện Bạch Mai giai đoạn 2012-2016	12		Dược học ISSN: 0866-7861			59, 513, 9-13	2019
69	Phân tích thực trạng và bước đầu đánh giá hiệu quả chương trình kháng sinh dự phòng tại Khoa Phẫu thuật lồng ngực, Bệnh viện Bạch Mai	8		Y Dược lâm sàng 108 ISSN: 1859-2872			14, 9, 37-44	2019
70	Phân tích tính hợp lý trong việc lựa chọn doripenem điều trị viêm phổi bệnh viện tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai	9	X	Dược học ISSN: 0866-7861			59, 518, 8-13	2019
71	Cung cấp kháng sinh không có đơn tại các cơ sở bán lẻ thuốc trên thế	6		Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc			10, 1, 2-12	2019

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	giới: Tổng quan hệ thống và phân tích gộp			ISSN: 1859-364X				
72	Biến cố bất lợi ghi nhận từ các đơn vị kinh doanh thuốc: Đặc điểm và vai trò trong phát hiện tín hiệu an toàn thuốc	6		Y Dược học ISSN: 2734-9209			8, 11, 22-28	2020
73	Tổng kết các báo cáo liên quan đến phản vệ trong cơ sở dữ liệu báo cáo tự nguyện Việt Nam giai đoạn 2010-2019	8		Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			496, 11/2, 323-328	2020
74	Biến cố hạ kali máu liên quan đến thuốc	10		Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593			115, 3, 64-72	2020
75	Phân tích tình hình tiêu thụ kháng sinh tại Bệnh viện giai đoạn 2013-2019 bằng hệ thống phân loại Aware	11	X	Y Dược học ISSN: 2734-9209			2, 9, 15-19	2020
76	Quản lý tương tác thuốc bất lợi trên người bệnh nội trú thông qua hoạt động dược lâm sàng	6		Y học lâm sàng ISSN: 1859-3593			115, 3, 93-100	2020
77	Medicines information services in a resource-limited setting	9		Research in Social and Administrative Pharmacy ISSN: 1551-7411	ISI (Q1, IF 2,844)	1	16, 11, 1535-1541	2020
78	Đánh giá hiệu quả của dung dịch bảo quản tạng plegistore trong ghép thận của người hiến sống	8		Y học Việt Nam ISSN: 1859-1868			497, 12/1, 226-230	2020
79	Đánh giá thực trạng bán kháng sinh tại cơ sở bán lẻ thuốc ở Việt Nam thông qua phương pháp đóng vai khách hàng	5		Dược học ISSN: 0866-7861			60, 527, 8-14	2020
80	Phân tích hiệu quả chương trình kháng sinh	11		Y học Việt Nam			496, 11, 109-114	2020

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	dự phòng trong phẫu thuật xâm lấn phổi tại Khoa Phẫu thuật lồng ngực, Bệnh viện Bạch Mai			ISSN: 1859-1868				
81	Phân tích thực trạng sử dụng vancomycin ở bệnh nhân điều trị tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Thanh Nhàn	8	X	Dược học ISSN: 0866-7861			60, 528, 10-14	2020
82	Phân tích hiệu quả của tigecyclin trong điều trị nhiễm khuẩn ổ bụng trên bệnh nhân nặng tại Khoa Hồi sức tích cực, Bệnh viện Bạch Mai	8	X	Nghiên cứu Dược và Thông tin thuốc ISSN: 1859-364X			11, 5, 34-41	2020
83	Risk comparison of beta – lactam – induced anaphylaxis: Therapeutic stratification analysis in a Vietnamese pharmacovigilance database	6	X	Journal of Clinical Pharmacy and Therapeutics ISSN: 0269-4727	ISI (Q2, IF 1,833)	0	46, 4, 950-956	2021

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín mà UV là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS: 04 bài báo khoa học: Bài báo số **9**, bài báo số **20**, bài báo số **28**, và bài báo số **83**.

### 7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

### 7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/ Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế\*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm (UV PGS), còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV  chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính sau khi được bổ nhiệm PGS hoặc được cấp bằng TS:

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH  ; 04 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách của NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT/chương sách NXB có uy tín trên thế giới là tác giả chính thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định:

*Chú ý: Đối với các chuyên ngành bí mật nhà nước thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự, các tiêu chuẩn không đủ về hướng dẫn, đề tài khoa học và công trình khoa học sẽ được bù bằng điểm từ các bài báo khoa học theo quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg.*

d) Biên soạn sách phục vụ đào tạo (đối với ứng viên GS)

- Không đủ điểm biên soạn sách phục vụ đào tạo:

- Không đủ điểm biên soạn giáo trình và sách chuyên khảo:

**C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:**

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

*Hà Nội, ngày 30 tháng 07 năm 2021*

**NGƯỜI ĐĂNG KÝ**

(Ký và ghi rõ họ tên)



**Vũ Đình Hoà**